

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 01 năm 2023

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Miện

2. Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp- Thẩm tra viên Tòa án.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thanh T, sinh năm 1997 (Có mặt).

HKTT: thôn Sơn Quả 4, xã Lương P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: thôn Việt Lập, xã Ngọc V, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ- Sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Sơn Quả 4, xã Lương P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn chị Đặng Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương P ngày 04/11/2015. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng anh Đ ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 8/2019, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Từ khi sống ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Vỹ, sinh ngày 20/8/2016; cháu Nguyễn Thị Mỹ Ly, sinh ngày 14/8/2018, hiện nay đang sinh sống cùng chị, vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung.

Tại phiên tòa chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ Ly, sinh ngày 14/8/2018 và giao cho anh Nguyễn Văn Đ được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng Vỹ, sinh ngày 20/8/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ không đến Tòa án làm việc trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Đặng Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ

2, Về con chung: Giao cho chị Đặng Thanh T được nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thị Mỹ Ly, sinh ngày 14/8/2018; Và giao cho anh Nguyễn Văn Đ được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng Vỹ, sinh ngày 20/8/2016;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên không xem xét.

3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4, Về công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5, Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Đặng Thanh T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 04/11/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2019 không còn quan hệ tình cảm, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Vỹ, sinh ngày 20/8/2016; cháu Nguyễn Thị Mỹ Ly, sinh ngày 14/8/2018. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị T, các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, được ăn học đầy đủ. Vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ Ly, sinh ngày 14/8/2018 và giao cho anh Đ được nuôi cháu Nguyễn Hồng Vỹ, sinh ngày 20/8/2016. Anh Đ bị đơn tuy không đến Tòa án làm việc, tuy nhiên qua biên bản làm việc với gia đình anh Đ (bà Trần Thị Lên mẹ đẻ anh Đ) nguyện vọng gia đình là giao cho mỗi cháu nuôi một con chung, để chia sẻ bớt gánh nặng cho chị T, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại các điều Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Đối với anh Đ là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, đã nhiều lần Tòa án liên hệ điện thoại yêu cầu anh Đ về Tòa án làm việc, nhưng anh Đ không về và cũng không có văn bản gửi ý kiến của mình cho Tòa án, nên anh Đ đã tự từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị Đặng Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Đặng Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thanh T được nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thị Mỹ Ly, sinh ngày 14/8/2018; Giao cho anh Nguyễn Văn Đ được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng Vỹ, sinh ngày 20/8/2016;

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đặng Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008321 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương P ;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hanh Lê Thanh Miện

Ngô Thanh Thuần

